TÒA ÁN NHÂN DÂN **TX. LK TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19/9/2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LK TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thế Nam

2/ Bà Trần Thị Tố Loan

- Thư ký phiên tòa: Cô Lê Thị Hoa, cán bộ TAND thị xã LK, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện VKS nhân dân thị xã LK, tỉnh Đồng Nai*, tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã LK, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXX - ST ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1985. Địa chỉ: xã ĐP huyện LN, tỉnh BG. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc D, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp BS, xã BT, thị xã LK, tỉnh ĐN. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2018 của nguyên đơn chị Phạm Thị Th và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần Ngọc D vì mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khi ly hôn nguyên đơn dành quyền nuôi dưỡng nuôi con chung là Trần Thế D1, sinh ngày 01/7/2006 cho bị đơn; cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung 1.000.000 đồng.

Quá trình chung sống, nguyên đơn tự khai vợ chồng không có tài sản chung, không vay mượn nợ ai.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Ngọc D xác định vợ chồng có mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ năm 2010 đến nay. Bị đơn chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên.

Về con chung, bị đơn đồng đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu cấp dưỡng một lần nhưng không nêu số tiền cụ thể.

Về tài sản chung, nợ chung, bị đơn thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và về ý kiến giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th và anh Trần Ngọc D. Cho chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh và anh Trần Ngọc D.

- Về con chung: Các bên thỏa thuận giao cháu Trần Thế D1, sinh ngày 01/7/2006 cho bị đơn nuôi giữ; cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: các bên khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Chị Phạm Thị Th có đơn yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngọc D. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện này thuộc những trường hợp tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là "ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền:

Anh Trần Ngọc D, địa chỉ cư trú tại ấp BS, xã BT, thị xã LK, tỉnh ĐN là người bị nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã LK, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Ngọc D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử

theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, Điều 228, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu khởi kiện được ly hôn của nguyên đơn thấy rằng, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND thị trấn Đ, huyện LN, tỉnh BG nên được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc với nhiều lý do khác nhau; do không dung hòa được mâu thuẫn, bất đồng nên từ năm 2010 nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống với nhau đến nay. Điều này được bị đơn xác nhận về tình trạng trên. Căn cứ vào khoản 2 và 3 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem tình tiết này là sự thật và xác định, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[5] Về quyền nuôi giữ con chung thấy rằng, nguyên đơn và bị đơn có một con chung Trần Thế D1, sinh ngày 01/7/2006, nguyên đơn dành quyền nuôi dưỡng con chung cho bị đơn và cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng. Yêu cầu của nguyên đơn được bị đơn chấp nhận và cháu Trần Thế D1 có nguyện vọng ở với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Bị đơn yêu cầu thực hiện việc cấp dưỡng một lần đến khi cháu Trần Thế D1 đến tuổi trưởng thành nhưng không được bị đơn chấp nhận. Xét yêu cầu này nhận thấy, nguyên đơn làm công nhân nên điều kiện kinh tế, hoàn cảnh sống của người cấp dưỡng là không có khả năng cấp dưỡng một lần. Do đó, buộc hàng tháng nguyên đơn cấp dưỡng số tiền trên là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trong thời kỳ hôn nhân không tạo lập nên khối tài sản chung; không vay mượn nợ ai và không cho ai vay nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về nghĩa vụ cấp dưỡng theo điểm a, khoản 5 và điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Th và anh Trần Ngọc D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và 3 Điều 92; khoản 4 Điều 147, Điều 273; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, Điều 228; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a, khoản 5 và điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th. Cho chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh Trần Ngọc D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thế D1, sinh ngày 01/7/2006 cho anh Trần Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng chị Phạm Thị Th cấp dưỡng 1.000.000 đồng.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị Th được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 008244 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã LK, còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐN;
- VKS cùng cấp;
- THADS TX.LK;
- UBND TT Đ, huyện LN, tỉnh BG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thủy